

ĐÁP ÁN TOÁN



✦ ✦ **mục Lục** ✦ ✦



Dạng 1

Phân số thập phân3

Dạng 2

Số thập phân9

Dạng 3

Phép tính với số thập phân12



DẠNG 1

PHÂN SỐ THẬP PHÂN

Bài 1: Chọn đáp án sai

A. $\frac{7}{10}$ đọc là bảy phần mười → **Đúng**

B. $\frac{123}{100}$ đọc là một trăm hai mươi ba phần một trăm → **Đúng**

☒ C. $\frac{145}{10000}$ đọc là một trăm bốn mươi lăm trên mười nghìn → Sai vì không đọc là “trên mười nghìn”, đúng quy tắc sẽ đọc là “phần mười nghìn”

D. $\frac{91}{1000}$ đọc là chín mươi mốt phần một nghìn → **Đúng**

Bài 2: Hỗn số thích hợp biểu diễn phần bánh có kem là

☞ Quan sát hình ta thấy:

> Có 2 chiếc bánh có kem đầy đủ → tương ứng với phần nguyên là 2

> Có 1 chiếc bánh chỉ có 1 nửa phần kem → tương ứng $\frac{1}{2}$

☞ Vậy hỗn số thích hợp biểu diễn phần bánh có kem là: $2 + \frac{1}{2} = 2\frac{1}{2}$

Đáp án đúng là A

Bài 3: Số thích hợp điền vào chỗ trống là

Ta thấy: $20 \times 5 = 100$

Vậy $\frac{45}{100} \rightarrow$ Đáp án đúng là C

Bài 4: Chọn đáp án gồm các phân số thập phân

A. $\frac{1}{30}$ sai; $\frac{1}{6}$ sai; $\frac{2}{100}$ đúng → Sai



B. $\frac{3}{20}$ sai; $\frac{1}{10}$ đúng; $\frac{4}{5}$ sai → **Sai**

C. $\frac{2}{100}$ đúng; $\frac{3}{50}$ sai; $\frac{1}{20}$ sai → **Sai**

D. $\frac{5}{100}$; $\frac{2}{10}$; $\frac{320}{10000}$ → **Tất cả đều là phân số thập phân**



Bài 5: Chuyển các phân số sau về phân số thập phân có mẫu bằng 1000

Ta quy đồng từng phân số về mẫu là 1000:

	Quy đồng	Kết quả
$\frac{6}{5}$	$\frac{6 \times 200}{5 \times 200}$	$\frac{1200}{1000}$
$\frac{7}{25}$	$\frac{7 \times 40}{25 \times 40}$	$\frac{280}{1000}$
$\frac{8}{10}$	$\frac{8 \times 100}{10 \times 100}$	$\frac{800}{1000}$

	Quy đồng	Kết quả
$\frac{9}{2}$	$\frac{9 \times 500}{2 \times 500}$	$\frac{4500}{1000}$
$\frac{17}{4}$	$\frac{17 \times 250}{4 \times 250}$	$\frac{4250}{1000}$

Bài 6: Hoàn thành bảng sau

Đọc phân số	Viết phân số
Ba mươi bảy phần mười	$\frac{37}{10}$
Ba trăm linh một phần một trăm	$\frac{301}{100}$
Bảy nghìn tám trăm chín mươi ba phần một nghìn	$\frac{7893}{1000}$
Hai mươi bảy phần nghìn	$\frac{27}{1000}$

Bài 7: Viết các phân số sau dưới dạng phân số thập phân

1. $\frac{2}{5}$

Nhân cả tử và mẫu với 2 để được phân số có mẫu số là 10: $\frac{2}{5} = \frac{2 \times 2}{5 \times 2} = \frac{4}{10}$

$$2. \frac{13}{4}$$

Nhân cả tử và mẫu với 25 để được phân số có mẫu số là 100: $\frac{13}{4} = \frac{13 \times 25}{4 \times 25} = \frac{325}{100}$

$$3. \frac{3}{2}$$

Nhân cả tử và mẫu với 5 để được phân số có mẫu số là 10: $\frac{3}{2} = \frac{3 \times 5}{2 \times 5} = \frac{15}{10}$

Kết quả: $\frac{2}{5} = \frac{4}{10}$; $\frac{13}{4} = \frac{325}{100}$; $\frac{3}{2} = \frac{15}{10}$

Bài 8: Điền các thích hợp vào chỗ trống

$$a. \frac{3}{4} = \frac{3 \times 25}{4 \times 25} = \frac{75}{100}$$

$$c. \frac{12}{20} = \frac{12 : 2}{20 : 2} = \frac{6}{10}$$

$$b. \frac{6}{12} = \frac{6 : 6}{12 : 6} = \frac{1}{2} = \frac{1 \times 5}{2 \times 5} = \frac{5}{10}$$

$$d. \frac{20}{100} = \frac{20 \times 10}{100 \times 10} = \frac{200}{1000}$$

Bài 9: Trong những phân số sau, phân số nào không phải phân số thập phân?

Xét từng phân số:

» $\frac{5}{6}$ mẫu là 6 → không phải phân số thập phân



- » $\frac{25}{100}$ mẫu là 100 → là phân số thập phân
- » $\frac{4}{10}$ mẫu là 10 → là phân số thập phân
- » $\frac{34}{1000}$ mẫu là 1000 → là phân số thập phân
- » $\frac{19}{20}$ mẫu là 20 → không phải phân số thập phân
- » $\frac{45}{60}$ mẫu là 60 → không phải phân số thập phân

Vậy các phân số không phải phân số thập phân là $\frac{5}{6}$; $\frac{19}{20}$; $\frac{45}{60}$

Bài 10:

Bài giải

Số bánh cá nhân đậu là:

$$20 \times \frac{2}{5} = 8 \text{ (chiếc)}$$

Số bánh cá nhân xúc xích là:

$$20 \times \frac{1}{4} = 5 \text{ (chiếc)}$$

Số bánh cá nhân ngô phô mai là:

$$20 - 8 - 5 = 7 \text{ (chiếc)}$$

Đáp số: 7 chiếc

DẠNG 2

SỐ THẬP PHÂN

Bài 1: Số thập phân 0,04 được đọc là

☒ B. Không phải không bốn

Bài 2: Số thập phân “Ba mươi hai phẩy không năm” được viết là

☒ C. 32,05

Bài 3: Trong số thập phân 47,508 chữ số 0 thuộc hàng nào?

☒ A. Hàng phần trăm

Bài 4: Hỗn số $5\frac{6}{10}$ được viết dưới dạng số thập phân là

☒ A. 5,6

Bài 5: Số thập phân có 5 đơn vị và 8 phần mười là

☒ B. 5,8

Bài 6: Nối mỗi số thập phân với cách đọc thích hợp

6,5	Một trăm hai mươi lăm phẩy bảy mươi lăm
103,08	Chín mươi phẩy ba
47,206	Bốn mươi bảy phẩy hai trăm linh sáu
90,3	Một trăm linh ba phẩy không tám
125,75	Sáu phẩy năm

Bài 7: Viết số thập phân gồm

a) Bảy đơn vị, hai phần mười:

→ 7,2

b) Sáu mươi đơn vị, ba mươi phần trăm:

→ 60,30 (hoặc 60,3 đều đúng)

c) Tám mươi tư đơn vị, một trăm hai mươi lăm phần nghìn:

→ 84,125

d) Ba đơn vị, bốn mươi lăm phần trăm:

→ 3,45

e) Không đơn vị, bảy mươi phần nghìn:

→ 0,070 (hoặc 0,07 đều đúng)

f) Một trăm linh hai đơn vị, sáu phần mười:

→ 102,6

Bài 8: Viết các hỗn số sau dưới dạng số thập phân

$$2\frac{4}{10} \rightarrow 2,4$$

$$4\frac{5}{10} \rightarrow 4,5$$

$$15\frac{8}{100} \rightarrow 15,08$$

$$12\frac{64}{100} \rightarrow 12,64$$

$$7\frac{35}{1000} \rightarrow 7,035$$

$$9\frac{250}{1000} \rightarrow 9,25 \text{ hoặc } 9,250 \text{ đều đúng}$$

Bài 9: Sắp xếp các số 6,25; 4,9; 5,75; 6,1 theo thứ tự từ bé đến lớn

B. 4,9; 5,75; 6,1; 6,25



Bài 10: Chữ số thích hợp để điền vào chỗ chấm

Ta có:

$$3,41 < 3,4\dots < 3,49$$

→ Ta cần tìm một chữ điền vào chỗ chấm để số lớn hơn 3,41 và nhỏ hơn 3,49.

Thử các đáp án:

» A. 3,49 → bằng 3,49: Sai

» **B.** 3,47 → đúng, vì $3,41 < 3,47 < 3,49$

» C. 3,41 → bằng 3,41: Sai

» D. 3,403 → nhỏ hơn 3,41: Sai

Đáp số: **B. 7**

Bài 11: Điền dấu $>$, $<$, $=$ thích hợp vào chỗ chấm

a) $5,64 = 5,640$

b) $12,308 < 12,38$

c) $7,8 = 7,80$

d) $0,08 = \frac{8}{100}$

$1,89 < 1,9$

$0,507 < 0,57$

$6,006 < 6,06$

$1,05 > 1,005$

$42,007 < 42,07$

$103,09 = 103,090$

$9,999 < 10,0$

$49,04 > 49,004$

Bài 12: Viết các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn

a)

Các số: 4,89; 4,908; 4,9; 4,879

So sánh: $4,879 < 4,89 < 4,9 < 4,908$

→ Đáp án: 4,879; 4,89; 4,9; 4,908

b)

Các số: 102,5; 102,05; 102,055; 102,505

So sánh: $102,05 < 102,055 < 102,5 < 102,505$

→ Đáp án: 102,05; 102,055; 102,5; 102,505

DẠNG 3

PHÉP TÍNH VỚI SỐ THẬP PHẦN

Bài 1:

Ta có: $142,6 + 39,45 = 182,05$

Kết quả của phép cộng là D

Bài 2:

Ta có: $6,95 - 3,25 = 3,70 = 3,7$

Kết quả của phép trừ là B và C đều đúng

Bài 3:

Đổi $18 \text{ cm} = 0,18 \text{ m}$

Chiều cao của Lan là:

$$1,52 - 0,18 = 1,34 \text{ (m)}$$

Chọn A

**Bài 4:***Bài giải*

Buổi chiều bán được số mét vải là:

$$38,6 + 4,75 = 43,35 \text{ (m)}$$

Tổng số vải cả ngày bán được là:

$$38,6 + 43,35 = 81,95 \text{ (m)}$$

Đáp số: $81,95 \text{ m}$

Vậy chọn đáp án A

Bài 5:*Bài giải*

Số thứ ba là:

$$120 - 84,5 = 35,5$$

Số thứ hai là:

$$77,3 - 35,5 = 41,8$$

Số thứ nhất là:

$$84,5 - 41,8 = 42,7$$

Vậy đáp án A đúng

Bài 6:*Bài giải*

Ngày thứ hai dệt được số mét vải là:

$$29,5 + 5,3 = 34,8 \text{ (m)}$$

Ngày thứ ba dệt được số mét vải là:

$$29,5 - 3,7 = 25,8 \text{ (m)}$$

Cả ba ngày dệt được số mét vải là:

$$29,5 + 34,8 + 25,8 = 90,1 \text{ (m)}$$

Vậy đáp án đúng là A

Bài 7:*Bài giải*

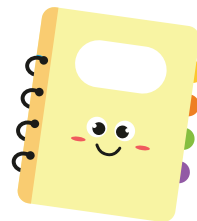
Chiều rộng của mảnh đất hình chữ nhật đó là:

$$124,3 - 35,6 = 88,7 \text{ (m)}$$

Chu vi của mảnh đất đó là:

$$(124,3 + 88,7) \times 2 = 426 \text{ (m)}$$

Vậy đáp án đúng là B

**Bài 8:***Bài giải*

Cả hai bạn nặng số ki-lô-gam là:

$$32,4 + 38,6 = 71 \text{ (kg)}$$

Vậy đáp án đúng là B

Bài 9: Đặt tính rồi tính

$$\begin{array}{r} \text{a. } 215,4 \\ \times \quad 3 \\ \hline 646,2 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{b. } 98,2 \\ - 57,35 \\ \hline 40,85 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{c. } 240,56 \\ + 19,89 \\ \hline 260,45 \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} \text{d. } 3,60 & 0,15 \\ 60 & 24 \\ 0 & \end{array}$$

Bài 10: Tính bằng cách thuận tiện nhất

a. $12,5 + 7,5 + 3,5 + 6,5 = (12,5 + 7,5) + (3,5 + 6,5) = 20 + 10 = \mathbf{30}$

b. $4,75 + 5,25 + 8 + 2 = (4,75 + 5,25) + (8 + 2) = 10 + 10 = \mathbf{20}$

c. $3,6 + 4,4 + 6,2 + 5,8 = (3,6 + 4,4) + (6,2 + 5,8) = 8 + 12 = \mathbf{20}$

d. $10,5 + 2,7 + 9,5 + 7,3 = (10,5 + 9,5) + (2,7 + 7,3) = 20 + 10 = \mathbf{30}$

e. $1,25 + 2,75 + 3,5 + 2,5 = (1,25 + 2,75) + (2,5 + 3,5) = 4 + 6 = \mathbf{10}$

Bài 11:

Bài giải

Quả bí thứ hai nặng số ki-lô-gam là:

$$3,25 + 0,75 = 4 \text{ (kg)}$$

Cả hai quả nặng số ki-lô-gam là:

$$3,25 + 4 = 7,25 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 7,25 kg

Bài 12:*Bài giải*

Ngày thứ hai cửa hàng bán được số ki-lô-gam rau là:

$$18,4 + 2,6 = 21 \text{ (kg)}$$

Ngày thứ ba cửa hàng bán được số ki-lô-gam rau là:

$$21 + 1,5 = 22,5 \text{ (kg)}$$

Cả ba ngày cửa hàng bán được số ki-lô-gam rau là:

$$18,4 + 21 + 22,5 = 61,9 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 61,9 kg

Bài 13:*Bài giải*

Ba giờ đầu bạn nhỏ đi được số ki-lô-mét là:

$$8,75 + 7,9 + 6,3 = 22,95 \text{ (km)}$$

Giờ thứ tư bạn nhỏ đi được số ki-lô-mét là:

$$32,6 - 22,95 = 9,65 \text{ (km)}$$

Đáp số: 9,65 km

